

Bản án số: 124/2025/DS-ST
Ngày 09 tháng 12 năm 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tám

Ông Đỗ Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Duy T, sinh năm 1991; CCCD số 066091016758; Địa chỉ: thôn 7, xã Eakar, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Lê H - Sinh năm: 1983; CCCD số: 066183011635; Nơi thường trú: Tổ dân phố số 5, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Quốc lộ 26, TDP Xuân Hòa 2, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 6 năm 2025; đơn khởi kiện bổ sung ngày 19 tháng 6 năm 2025; các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Duy T trình bày:

Bà Trần Lê H và ông Bùi Duy T có quan hệ quen biết nhau, bà Hạnh có vay của ông Bùi Duy T nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Lần một, khoản tiền vay theo Giấy mượn tiền ngày 05/08/2024:

Bà Trầm Lê H vay ông Bùi Duy T số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng); Lãi theo thỏa thuận; Chuyển khoản vào tài khoản 41269067 – Ngân hàng ACB chi nhánh Ninh Hoà - Chủ tài khoản: Trầm Lê H; Chậm nhất đến ngày 10/08/2024 bà Trầm Lê H phải hoàn trả số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho ông Bùi Duy T. Tuy nhiên, đến ngày 10/08/2024, bà Trầm Lê H chỉ hoàn trả số tiền gốc: 350.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc: 70.000.000 đồng và lãi phát sinh đến nay bà H vẫn chưa trả cho ông Bùi Duy T.

- Lần hai, khoản tiền vay theo Giấy mượn tiền ngày 12/08/2024:

Bà Trầm Lê H vay ông Bùi Duy T số tiền: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Lãi theo thỏa thuận; Chuyển khoản vào tài khoản 41269067 – Ngân hàng ACB chi nhánh Ninh Hoà - Chủ tài khoản: Trầm Lê H; Chậm nhất đến ngày 16/08/2024 bà Trầm Lê H phải trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho ông Bùi Duy T. Nhưng đến nay bà Trầm Lê H vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông Bùi Duy T. Giấy mượn tiền ngày 12/08/2024 do bà H ký

- Lần ba, khoản tiền vay theo Giấy mượn tiền ngày 06/01/2025:

Bà Trầm Lê H vay tôi số tiền: 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng); Vay bằng tiền mặt; Chậm nhất đến ngày 06/02/2025 bà Trầm Lê H phải trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho ông Bùi Duy T. Nhưng đến nay bà Trầm Lê H vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông Bùi Duy T. Giấy mượn tiền ngày 06/02/2025 do bà H ký.

-Đến ngày 23/09/2025, bà Trầm Lê H hoàn trả ông Bùi Duy T số tiền gốc: 200.000.000 đồng(gồm trả gốc 70.000.000 đồng vay lần một ngày 05/08/2024 và trả gốc lần hai vay 130.000.000 đồng).

-Tổng số tiền gốc bà Trầm Lê H còn nợ của ông Bùi Duy T là: 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Ông Bùi Duy T rất đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà Trầm Lê H trả tiền gốc và tiền lãi còn nợ cho ông Bùi Duy T và đã nhiều lần thương lượng về phương thức thanh toán nợ nhưng bà Trầm Lê H nhiều lần hẹn trả, sau đó đều không thực hiện trả như đã cam kết.

Nay ông Bùi Duy T yêu cầu bà Trầm Lê H phải trả cho ông Bùi Duy T một lần số tiền gốc mà bà H còn nợ tôi là: 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, chi tiết từng khoản vay như sau:

Về lãi:

- Đối với khoản tiền 420.000.000 đồng:

+ Từ ngày 05/08/2024 đến ngày 09/08/2024: lãi suất 10%/năm đối với tổng số tiền 420.000.000 đồng là: 575.342 đồng.

+ Từ ngày 10/8/2024 đến 23/9/2025: lãi suất 10%/năm đối với số tiền 70.000.000 đồng là: 7.863.014 đồng.

-Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng:

+ Từ ngày 12/08/2024 đến ngày 22/09/2025: lãi suất 10%/năm đối với tổng số tiền 400.000.000 đồng là: 44.602.740 đồng.

+ Từ ngày 23/09/2024 đến ngày 09/12/2025: lãi suất 10%/năm đối với tổng số tiền 270.000.000 đồng là: 3.254.795 đồng.

-Đối với khoản tiền 240.000.000 đồng:

+ Từ ngày 06/01/2025 đến ngày 09/12/2025: lãi suất 10%/năm đối với tổng số tiền 240.000.000 đồng là: 22.224.658 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/12/2025 với số tiền là: 81.035.617 đồng (Tám mươi một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

-Tại phiên tòa:

+Ông Bùi Duy T khẳng định số tiền này là tiền của cá nhân ông T vay mượn của người khác cho bà Trầm Lê H vay, vợ của ông T là bà Lê Nguyễn Hoàng My không biết gì và không liên quan gì.

+Ông Bùi Duy T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trầm Lê H phải trả cho ông T số tiền gốc 510.000.000 đồng + với tiền lãi là 81.035.617 đồng = 591.035.617 đồng(Năm trăm chín mươi một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

* Tại bản tự khai ngày 11 tháng 11 năm 2025 và tại phiên tòa bị đơn bà Trầm Lê H trình bày:

Bà Trầm Lê H và ông Bùi Duy T có quen biết nhau, do làm ăn buôn bán nên tôi có vay của ông T 03(ba) lần tiền cụ thể như sau:

-Lần Thứ nhất, Ngày 05/08/2024, bà Trầm Lê H có vay ông Bùi Duy T số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng); Lãi theo thỏa thuận; Chuyển khoản vào tài khoản 41269067 – Ngân hàng ACB chi nhánh Ninh Hoà – bà Trầm Lê H là chủ tài khoản; hai bên thỏa thuận thời gian bà Trầm Lê H trả nợ chậm nhất đến ngày 10/08/2024 bà Trầm Lê H phải hoàn trả số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho ông T. Đến ngày 10/08/2024, bà Trầm Lê H đã hoàn trả số tiền gốc: 350.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc: 70.000.000 đồng và lãi phát sinh, đến nay bà Trầm Lê H vẫn chưa trả cho ông T. Giấy mượn tiền ngày 05/08/2024, chữ ký trong giấy vay này là của bà Trầm Lê H ký

-Lần Thứ hai, Ngày 12/8/2024, bà Trầm Lê H tiếp tục vay ông Bùi Duy T số tiền: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Lãi theo thỏa thuận; Chuyển khoản vào tài khoản 41269067 – Ngân hàng ACB chi nhánh Ninh Hoà – bà Trầm Lê H chủ tài khoản; hai bên thỏa thuận thời gian bà Trầm Lê H trả nợ chậm nhất đến ngày 16/08/2024 bà Trầm Lê H phải trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho ông T. Nhưng đến nay bà Trầm Lê H vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông T. Giấy mượn tiền ngày 12/08/2024, chữ ký trong giấy vay này là của bà Trầm Lê H ký.

- Lần thứ ba, Ngày 06/01/2025, bà Trầm Lê H tiếp tục vay ông Bùi Duy T số tiền: 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng); Vay bằng tiền mặt; hai bên thỏa thuận thời gian bà Trầm Lê H trả nợ chậm nhất đến ngày 06/02/2025 bà Trầm Lê H phải trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận cho ông T. Nhưng đến nay bà Trầm Lê H vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho ông T. Giấy mượn tiền ngày 06/01/2025, chữ ký trong giấy vay này là của bà Trầm Lê H ký.

- Ngày 23/09/2025 bà Trầm Lê H đã trả cho ông T số tiền gốc: 200.000.000 đồng. (Hai trăm triệu đồng) (gồm trả gốc 70.000.000 đồng vay lần một ngày 05/08/2024 và trả gốc lần hai vay 130.000.000 đồng).

- Tổng cộng ba lần bà Trầm Lê H vay của ông T số tiền là: 1.060.000.000 đ (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), nhưng bà Trầm Lê H đã trả tiền gốc cho ông T tổng cộng số tiền gốc là: 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đến nay bà Trầm Lê H xác nhận bà Trầm Lê H còn nợ của ông T tổng số tiền gốc là: 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận. Nhưng do làm ăn thất bại nên bà Trầm Lê H chưa trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận như trên cho ông T. Nay ông T yêu cầu bà Trầm Lê H trả tiền gốc 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và lãi theo quy định của pháp luật lãi suất 10%/năm thì bà Trầm Lê H đồng ý trả nợ gốc và lãi như yêu cầu của ông T với tổng cộng số tiền lãi của các khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/12/2025 với số tiền là: 81.035.617 đồng (Tám mươi một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

Bà Trầm Lê H xác nhận hiện nay bà H còn nợ của ông T tổng cộng tiền gốc : 510.000.000 đồng + số tiền lãi các khoản nợ trên là 81.035.617 đồng (Tám mươi một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng)= 591.035.617 đồng(Năm trăm chín mươi một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

-Tại phiên tòa:

+ Bà Trầm Lê H khẳng định số tiền bà H vay trên chỉ có cá nhân bà H, còn chồng của bà H là Phan Anh T không biết gì về khoản nợ này, không liên quan gì.

+ Bà Trầm Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà Trầm Lê H đồng ý trả cho ông T số nợ trên nhưng cho bà Trầm Lê H trả dần hàng tháng, mỗi tháng bà Trầm Lê H trả 10.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả vào 20/02/2026 trả liên tục cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để thu thập lời khai của vợ ông Thái là bà Lê Nguyễn Hoàng My, chồng của bà Hạnh là ông Phan Minh Tú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Bùi Duy T khởi kiện yêu cầu bà Trầm Lê H; Nơi thường trú: Tổ dân phố số x, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Quốc lộ 26, tổ dân phố Xuân Hòa 2, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

[1.2] Xét yêu cầu tạm ngưng phiên tòa của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Duy T khẳng định số tiền này là tiền của cá nhân ông T vay mượn của người khác cho bà Trầm Lê H vay, vợ của ông T là bà Lê Nguyễn Hoàng M không biết gì đến số tiền và không liên quan gì đến số tiền này, bị đơn Trầm Lê H khẳng định số tiền bà H vay trên chỉ có cá nhân bà H, còn chồng của bà H là Phan Anh T không biết gì về khoản nợ này, không liên quan gì. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Viện kiểm sát.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn ông Bùi Duy T, bị đơn bà Trầm Lê H, cùng các chứng cứ do ông T cung cấp là các giấy mượn tiền đề ngày 05/08/2024, giấy mượn tiền ngày 12/08/2024, giấy mượn tiền ngày 06/01/2025 giữa ông T với bà H ký vào các giấy mượn tiền này, đồng thời giữa nguyên đơn ông Bùi Duy T và bị đơn bà Trầm Lê H thống nhất xác nhận hiện nay bà Trầm Lê H còn nợ của ông T số tiền gốc 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) của 03 lần vay trên. Việc bà H thừa nhận còn nợ tiền gốc của ông T với tổng số tiền của 03 lần vay là 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng), chứng tỏ việc ông T cho bà H vay là có thật.

Việc bà Trầm Lê H không thanh toán nợ cho ông Bùi Duy T đúng theo hạn trả nợ của từng khoản vay mà hai bên đã thỏa thuận đã vi phạm các quy định về hợp đồng dân sự vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Gây khó khăn cho ông Bùi Duy T trong việc thu hồi vốn.

Việc bà Trầm lê H đồng ý trả cho ông T số nợ trên nhưng cho H trả dần hàng tháng, mỗi tháng tôi trả 10.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả vào 20/02/2026 trả liên tục cho đến khi hết nợ, nhưng nguyên đơn ông Bùi Duy T không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Việc ông Bùi Duy T yêu cầu bà Trầm Lê H trả cho ông Bùi Duy T tiền gốc là 510.000.000 (Năm trăm mười triệu đồng) mà bà Trầm Lê H còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này, buộc bà Trầm Lê H trả cho ông Bùi Duy T số tiền gốc 510.000.000 (Năm trăm mười triệu đồng).

[2.2] Về lãi: Nguyên đơn ông Bùi Duy T yêu cầu bà Trầm Lê H trả lãi với lãi suất 10%/năm, tức là một tháng là 0,83%/tháng, một ngày 0,027%/ngày cho ông Bùi Duy T do chậm thực hiện trả nợ cho từng khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 09.12.2025 cụ thể:

-Đối với khoản tiền 420.000.000 đồng:

+ Từ ngày 05/08/2024 đến ngày 09/08/2024 là 05 ngày, lãi suất 0,027%/ngày đối với tổng số tiền 420.000.000 đồng là: $420.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 05 \text{ ngày} = 567.000 \text{ đồng}$ (Năm trăm sáu mươi bảy nghìn).

+ Từ ngày 10/8/2024 đến 23/9/2025 là 410 ngày, lãi suất 0,027%/ngày đối với số tiền 70.000.000 đồng là: $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 410 \text{ ngày} = 7.749.000 \text{ đồng}$ (Bảy triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn).

-Đối với khoản tiền 400.000.000 đồng:

+ Từ ngày 12/08/2024 đến ngày 22/09/2025 là 407 ngày, lãi suất 0,027%/ngày đối với số tiền 400.000.000 đồng là: $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 407 \text{ ngày} = 43.956.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn)

+ Từ ngày 23/09/2024 đến ngày 09/12/2025 là 78 ngày, lãi suất 0,027%/ngày đối với số tiền 270.000.000 đồng là: $270.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 78 \text{ ngày} = 5.686.200 \text{ đồng}$ (Năm triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm đồng)

-Đối với khoản tiền 240.000.000 đồng:

+ Từ ngày 06/01/2025 đến ngày 09/12/2025 là 338 ngày, lãi suất 0,027%/ngày đối với số tiền 240.000.000 đồng là: $240.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 338 \text{ ngày} = 21.902.400 \text{ đồng}$ (Hai mươi một triệu chín trăm linh hai nghìn bốn trăm đồng).

*Tổng cộng số tiền lãi các khoản vay trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/12/2025 với số tiền là: $567.000 \text{ đồng} + 7.749.000 \text{ đồng} + 43.956.000 \text{ đồng} + 5.686.200 \text{ đồng} + 21.902.400 \text{ đồng} = 79.860.600 \text{ đồng}$ (Bảy mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng).

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà Trầm Lê H phải trả cho ông Bùi Duy T tiền gốc là 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 79.860.600 đồng (Bảy mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng), tổng cộng số tiền gốc 510.000.000 đồng + tiền lãi 79.860.600 đồng = 589.860.600 đồng (Năm trăm tám mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng).

[3] Về án phí:

-Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Duy T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông T số tiền đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn bà Trầm Lê H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên số tiền 589.860.600 đồng là: {20.000.000đồng + (189.860.600 đồng x 4% = 7.594.424 đồng)} = 27.594.424 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Trầm Lê H phải trả cho ông Bùi Duy T số tiền gốc và lãi là: 589.860.600 đồng (Năm trăm tám mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng), trong đó tiền gốc là 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 79.860.600 đồng (Bảy mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng).

Quy định: Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Trầm Lê H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 27.594.424 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng).

- Ông Bùi Duy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Bùi Duy T số tiền 16.200.000 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002061 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4-Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Ảnh